

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sara Việt Nam

Ngày 30/09/2025	3,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	-9.1%	-

DT thuần Q3/25
36.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.20 -10.2%
YoY: ▲36.4 7283%

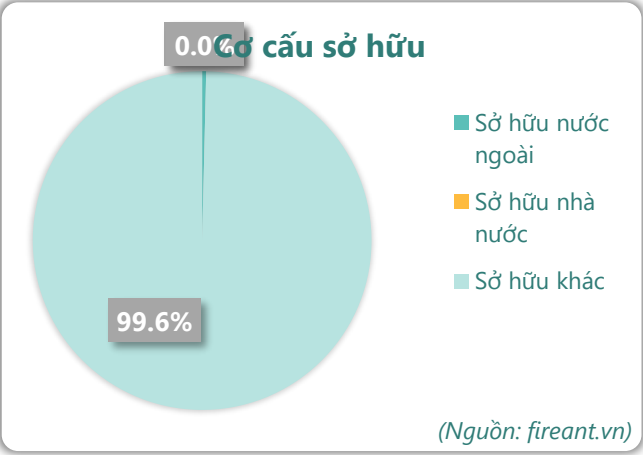
LN thuần Q3/25
3.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲6.15 239%
YoY: ▼8.23 -69.7%

LN sau thuế Q3/25
3.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▲6.47 222%
YoY: ▼8.24 -69.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
9.6%
YoY: +/-▲10.7%

ROE (TTM) Q3/25
6.3%
YoY: +/-▼1.1%

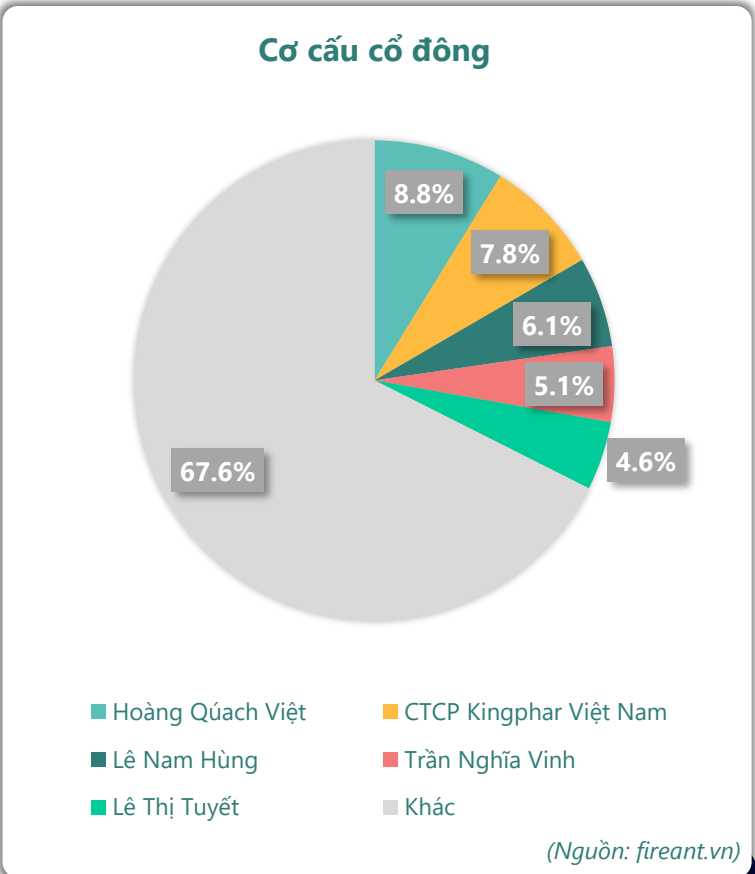
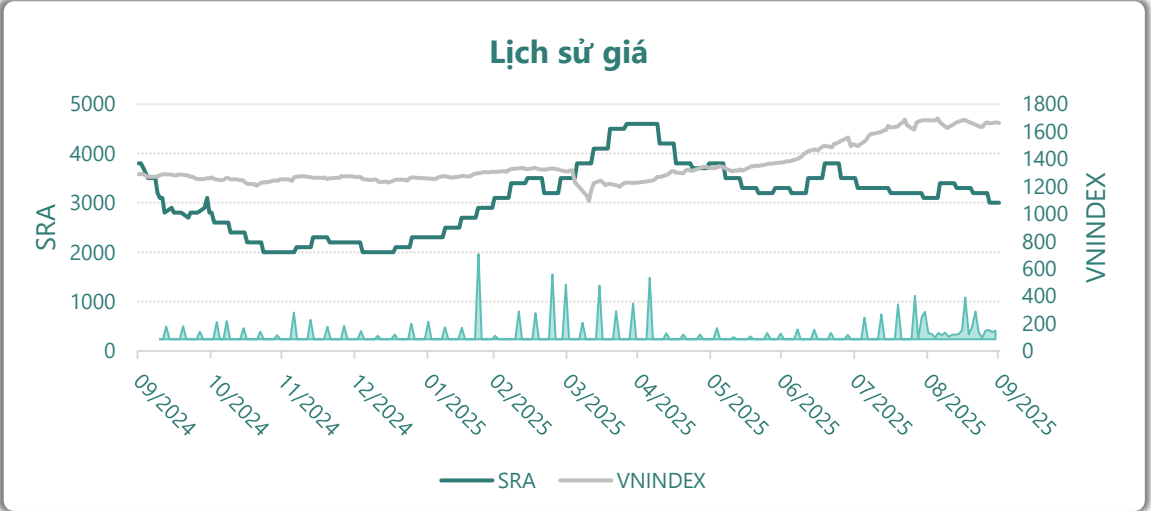
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,000 - 4,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	130
Số lượng CPLH (CP)	43,199,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	106,040
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.09
EPS	939
P/E	3.2



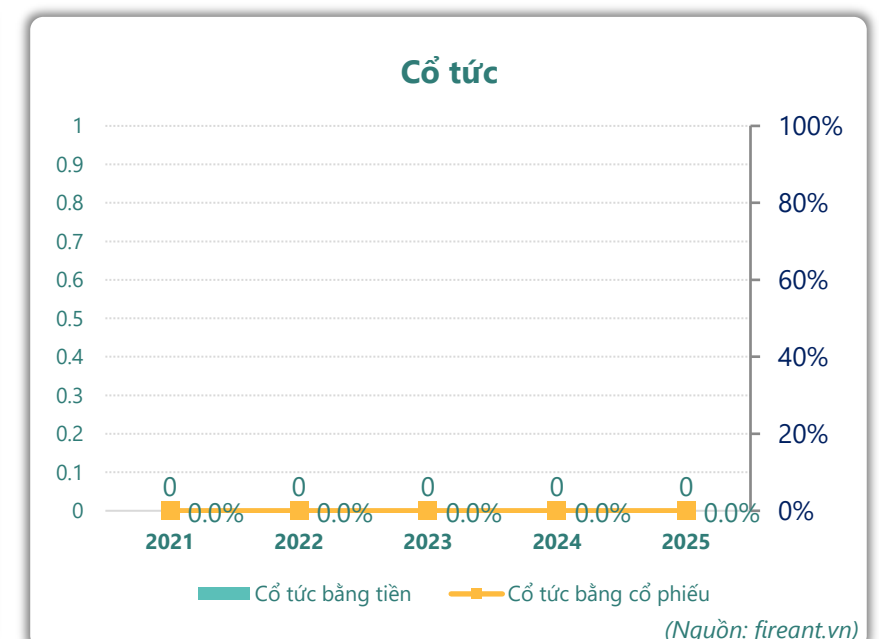
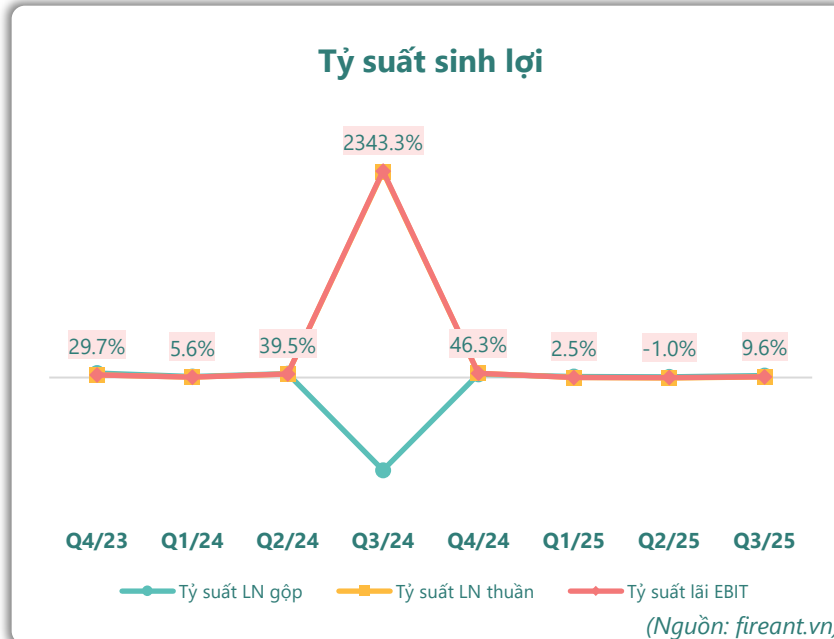
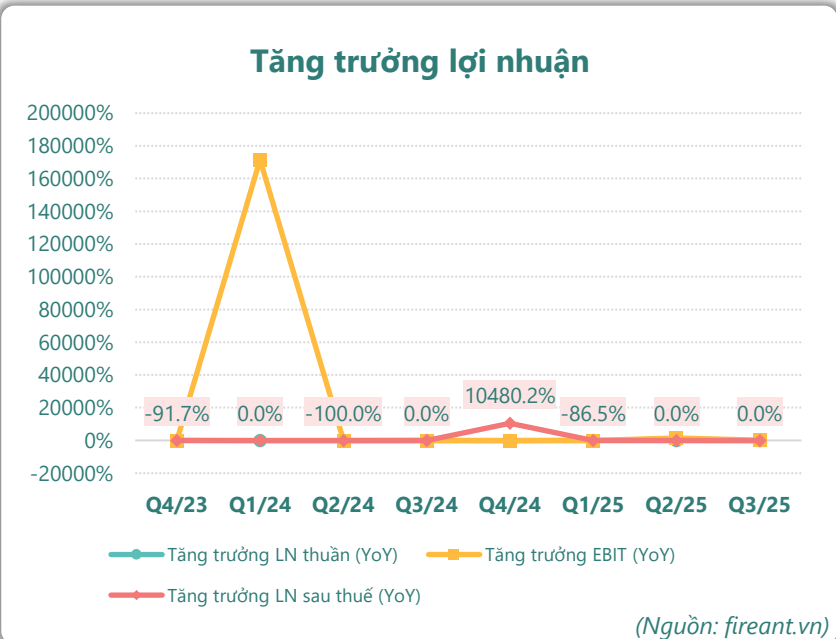
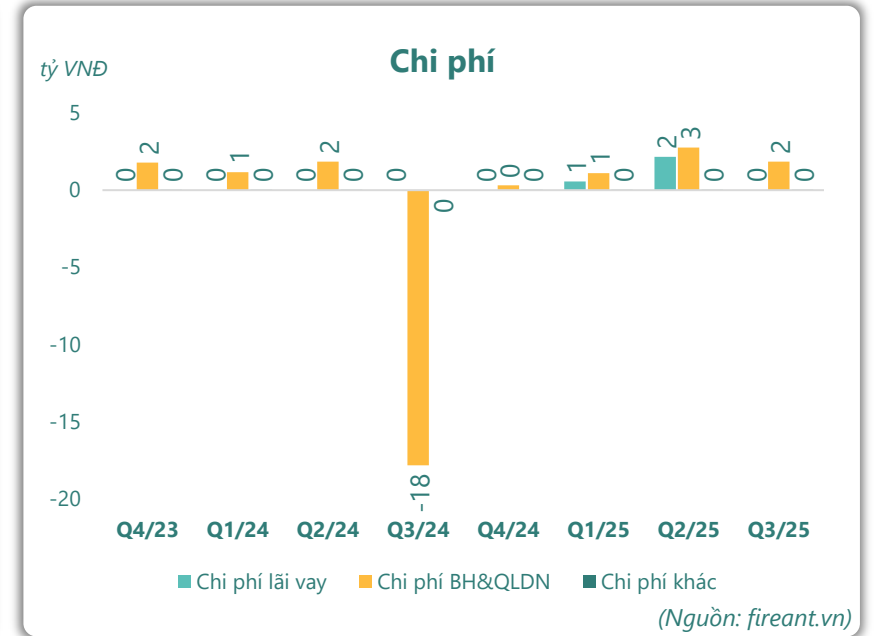
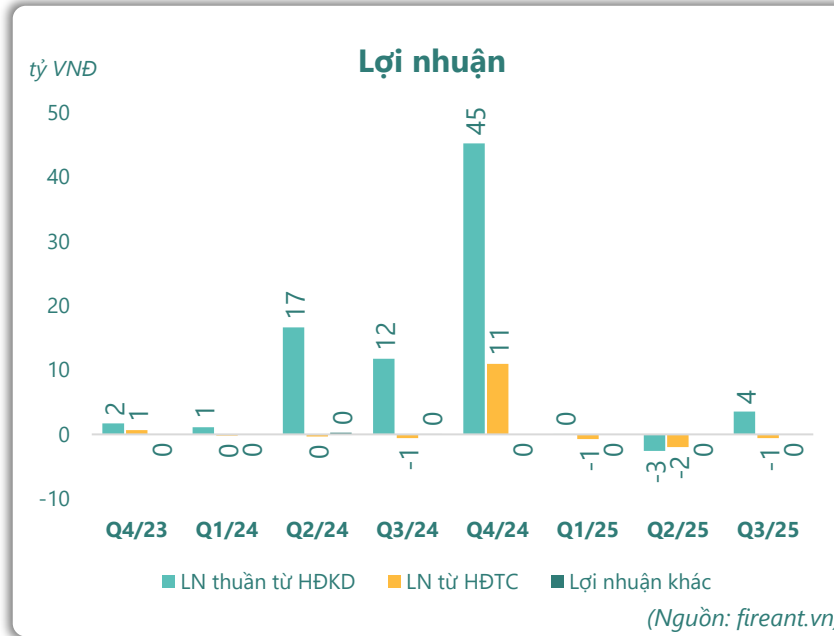
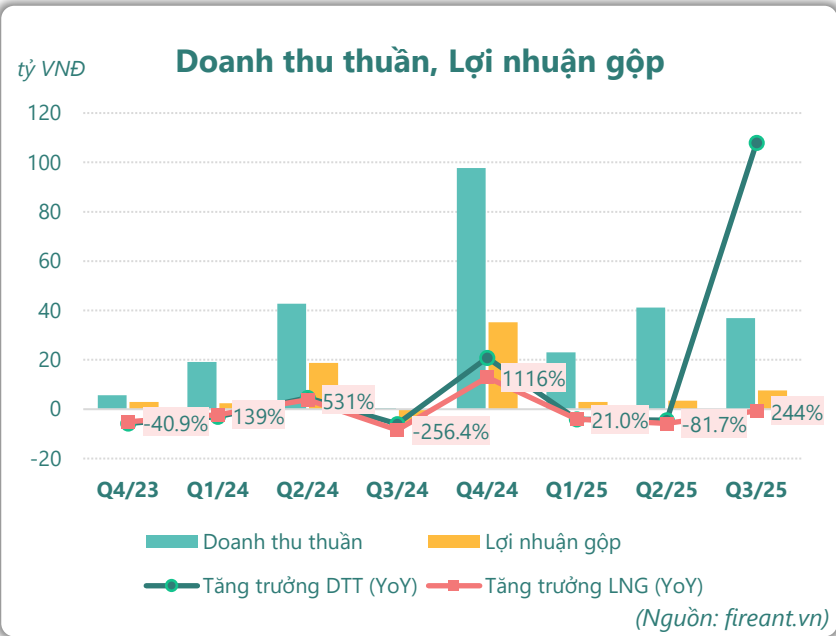
DT thuần 9T 2025
101
tỷ VNĐ
YoY: ▲38.7 62.1%

LN thuần 9T 2025
1.01
tỷ VNĐ
YoY: ▼28.5 -96.6%

LN sau thuế 9T 2025
0.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.0 -97.8%



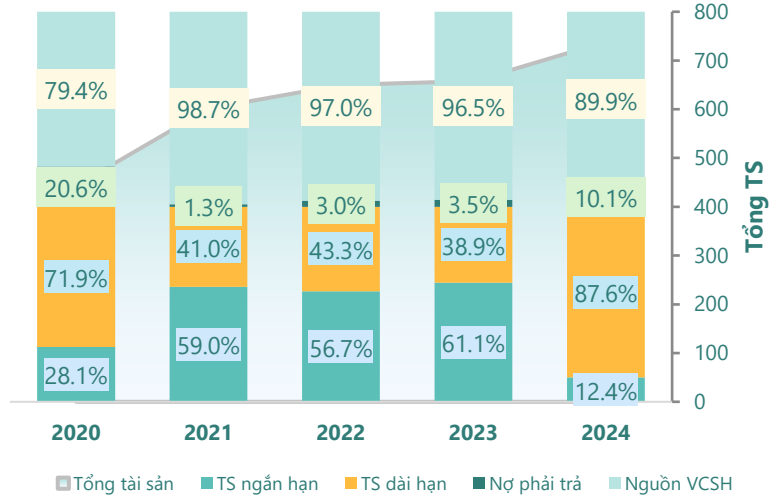
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

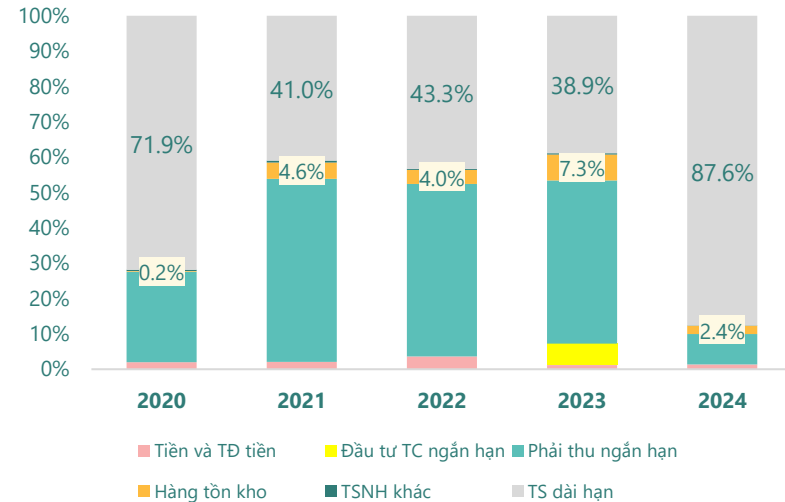
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

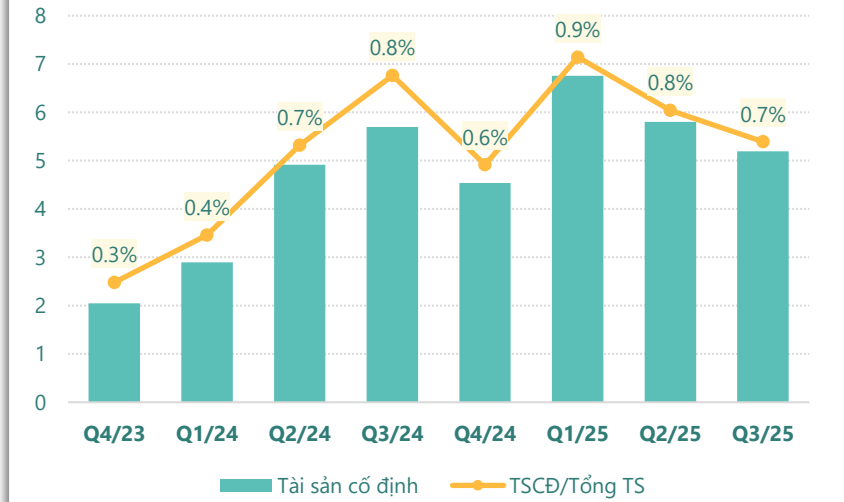
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

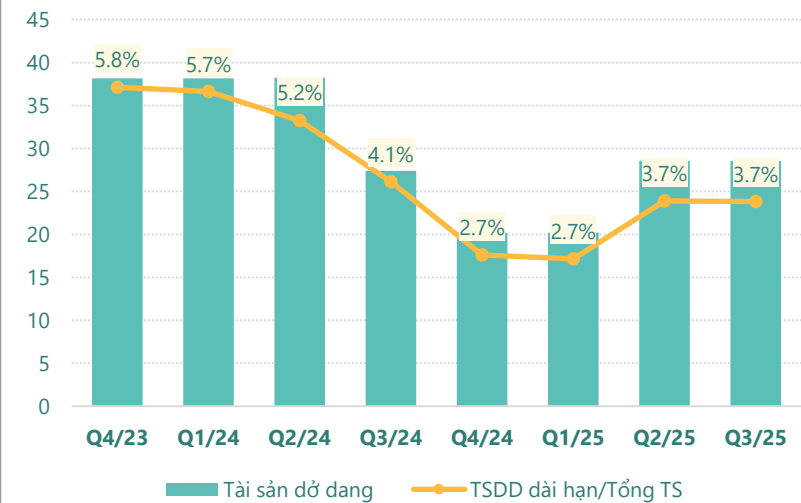
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

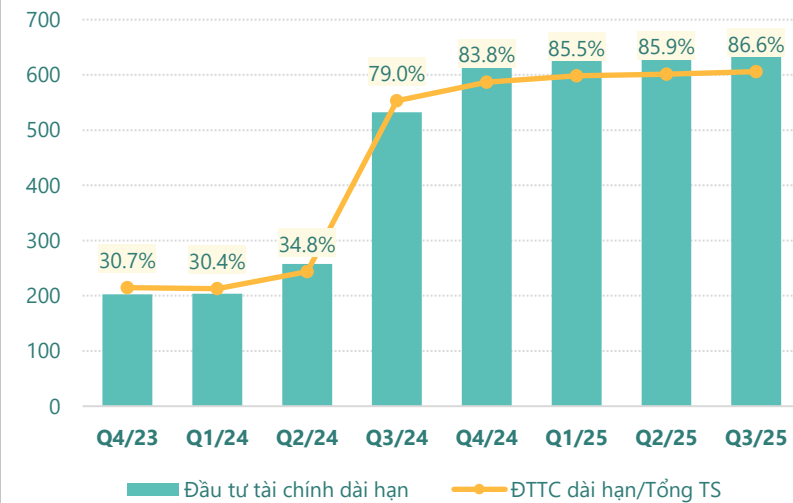
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

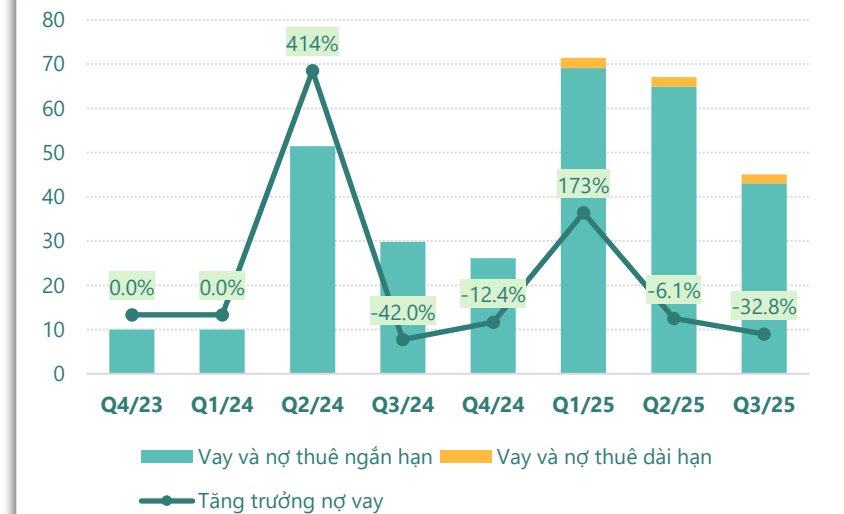
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

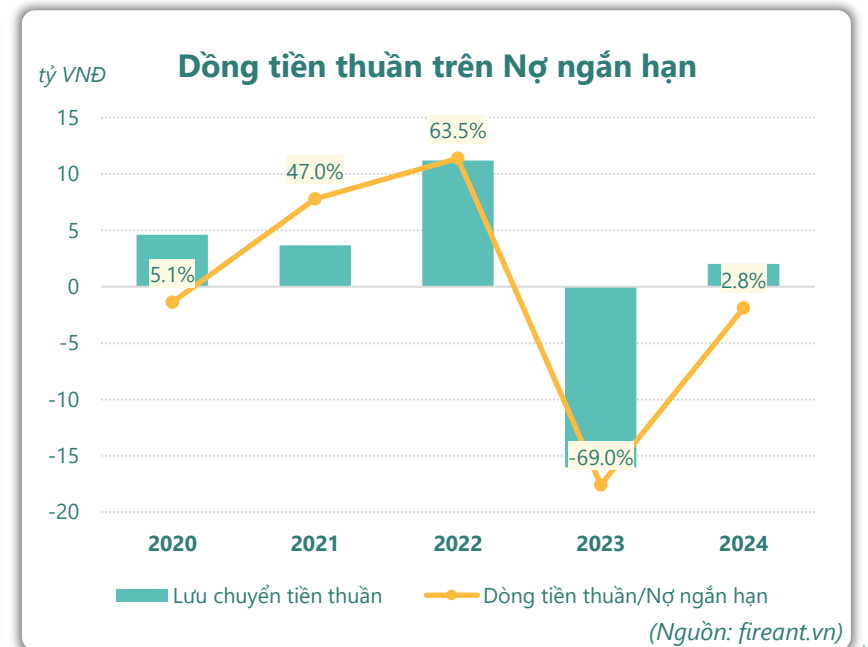
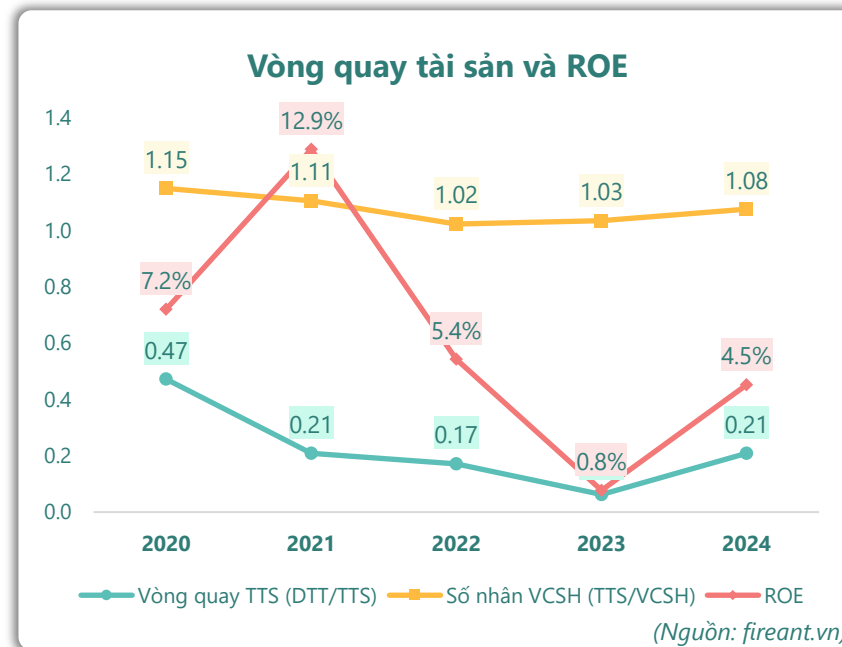
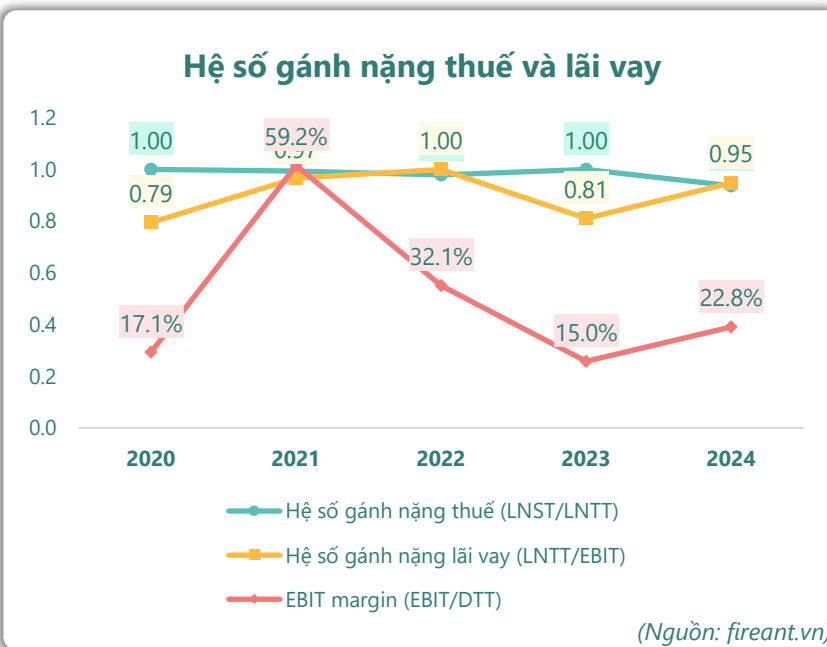
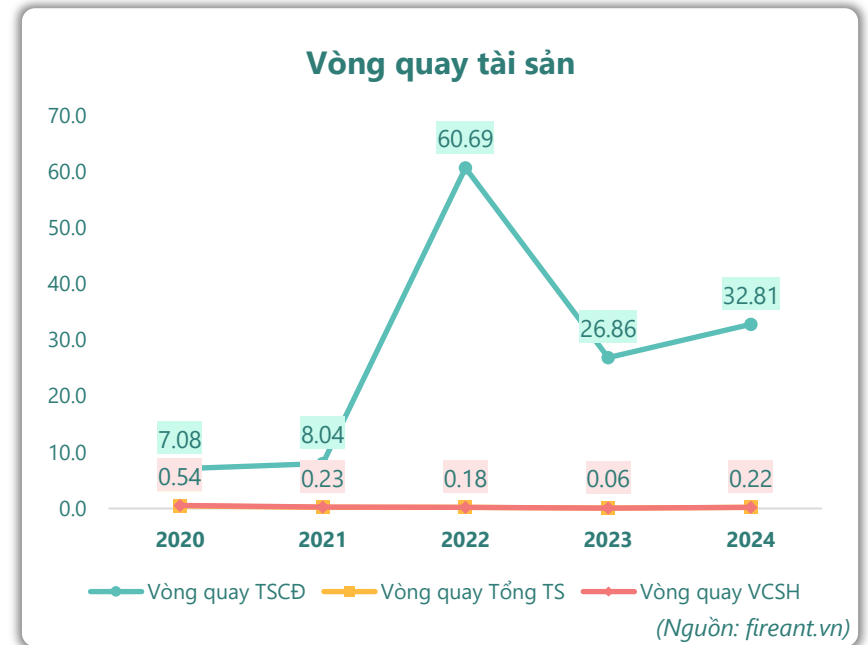
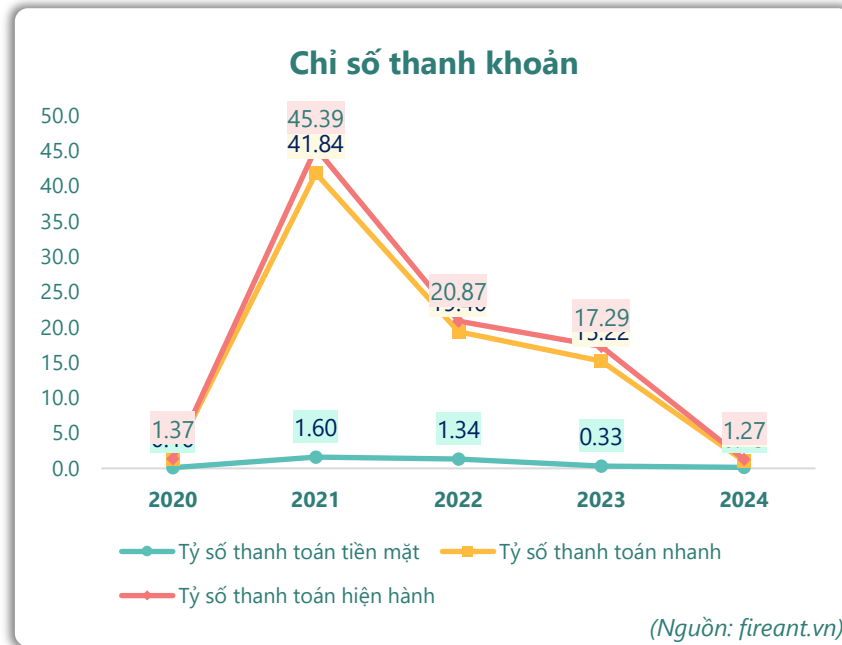
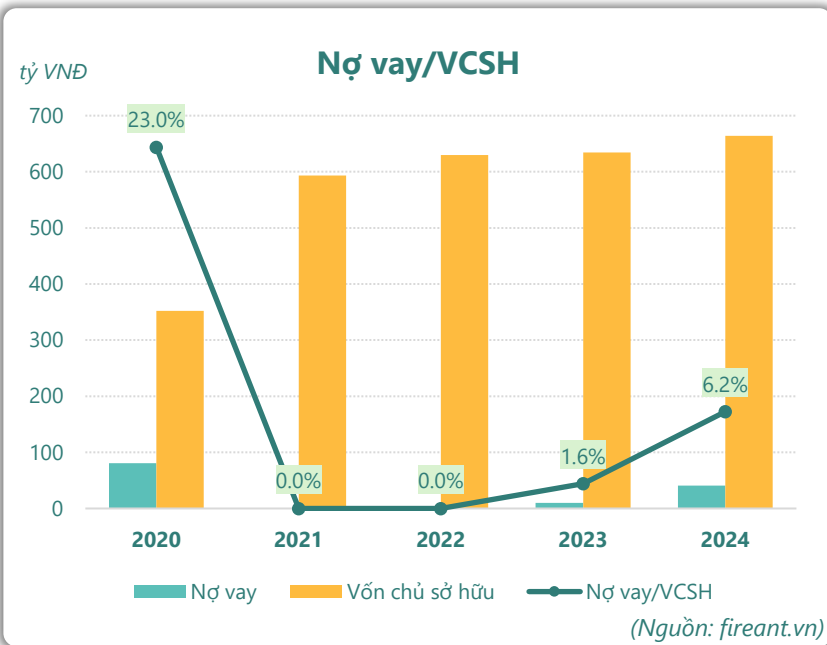
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	36.9	0.50	7283%	101	62.3	62.1%
Giá vốn hàng bán	29.3	5.80	405%	86.9	46.3	87.6%
Lợi nhuận gộp	7.64	-5.29	244%	14.1	16.0	-12.0%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.00		0.16	0.09	77.1%
Chi phí TC	0.61	0.56	8.2%	3.43	1.18	190%
Chi phí lãi vay	0	0.00		2.73	0	
LN trong công ty LKLD	-1.64	-0.23	-614%	-4.07	-0.23	-1672%
Chi phí bán hàng	0.23	0.18	26.4%	0.73	0.45	63.4%
Chi phí QLDN	1.62	-18.0	109%	4.99	-15.3	133%
LN thuần từ HĐKD	3.57	11.8	-69.7%	1.01	29.5	-96.6%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.05	-128%	-0.02	0.27	-108%
LN trước thuế	3.56	11.8	-69.8%	0.98	29.8	-96.7%
Lợi nhuận sau thuế	3.56	11.8	-69.8%	0.66	29.7	-97.8%
LNST của CĐ cty mẹ	3.56	11.8	-69.8%	0.65	29.7	-97.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.9	295	69.1	203	32.5	26.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.0	-274	-68.9	-234	-12.1	-19.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.4	-21.6	-3.69	30.4	-25.1	-0.46
Tiền đầu kỳ	9.82	8.12	6.22	9.73	8.42	3.63
Lưu chuyển tiền thuần	-1.73	-1.28	-3.41	-1.31	-4.78	6.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.12	6.22	2.82	8.42	3.63	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	770	738	4.3%
Tài sản ngắn hạn	68.5	91.9	-25.4%
Tiền và tương đương tiền	10.1	9.73	3.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.9	63.9	-43.7%
Hàng tồn kho	19.8	17.4	14.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.66	0.89	199%
Tài sản dài hạn	702	647	8.5%
Phải thu dài hạn	0.18	0.18	0.0%
Tài sản cố định	5.19	6.91	-24.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	28.5	20.2	41.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	667	618	7.8%
Tài sản dài hạn khác	1.15	1.18	-2.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	106	74.4	41.9%
Nợ ngắn hạn	104	72.1	43.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.0	38.7	11.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.2	26.0	-10.7%
Nợ dài hạn	2.02	2.29	-11.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.02	2.29	-11.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	665	664	0.1%
Vốn chủ sở hữu	665	664	0.1%
Vốn điều lệ	432	432	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

